



duǎn xiù

短袖

noun · short-sleeved shirt; T-shirt

Example Sentences

Xià tiān wǒ xǐ huān chuān duǎn xiù

夏天我喜欢穿短袖。

I like to wear short sleeves in summer.

Zhè jiàn duǎn xiù shì mián zhì de chuān qǐ lái hěn shū fu

这件短袖是棉质的，穿起来很舒服。

This short-sleeved shirt is cotton and feels comfortable to wear.

Trace each character, then write the word on your own.

短	短	短	短	短	短	短	短	短	短	短
短	短	短	短							
袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖	袖
袖	袖									